**TUẦN 10**: **CHỦ ĐỀ 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

 **Bài 28: TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải toán “ Tìm số trung bình cộng”

- Vận dụng được vận dụng giải toán“ Tìm số trung bình cộng” vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được giải toán “ Tìm số trung bình cộng” trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Tìm số trung bình cộng của:a. 31; 21.b. 17; 21; 25.c. 9; 13; 15; 19d. Trung bình cân nặng của 3 con vật lần lượt là gà 2 kg; chó 15 kg; lợn 25 kg.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- Trả lời:a. 26b. 21c. 14d. 13 kg- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: Biết cách giải toán “ Tìm số trung bình cộng” và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 2: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2. Mai cân nặng 36 kg. Hưng cân nặng 37 kg. Lan cân nặng 33 kg. Duy cân nặng 38 kg. Hỏi trung bình mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki - lô – gam?- GV mời thảo luận nhóm 2, tìm hiểu bài toán.  + Bài toán cho biết gì?   + Bài toán hỏi gì?- GV mời cả lớp làm bài vào vở.- GV mời HS nêu kết quả.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2- Cả lớp làm việc chung cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời:- HS thảo luận nhóm 2 và nêu ý kiến+ Cho biết: Mai: 36kg Hưng: 37 kg Lan: 33kg Duy: 38 kg+ TB mỗi bạn cân nặng: ... kg?- HS làm vào vở bài tập- HS nêu kết quả. Bài giải Tổng số cân nặng của bốn bạn là: 36 + 37 + 33 + 38 = 144 (kg)Trung bình mỗi bạn cân nặng là: 144 : 4 = 36 (kg) Đáp số: 36 kg- Một số HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 3: Làm việc cá nhân****-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- GV mời cả lớp làm việc cá nhân trong trong vở bài tập.- GV theo dõi, chấm một số bài- GV mời HS đổi vở, nêu cách làm.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- Cả lớp làm việc cá nhân các bài tập theo yêu cầu:- HS đổi vở, nói cho nhau nghe cách làm. Bài giải Tổng số ki - lô - mét đường bê tông mà xã đã làm thêm được trong bốn năm là: 15 + 17 + 22 + 18 = 72 (km) Trung bình mỗi năm xã đó làm thêm được là: 72 : 4 = 18 (km) Đáp số: 18 (km)- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 4: Làm theo nhóm 4.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4. - GV mời các nhóm làm việc.- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- GV hỏi: Vì sao câu d đúng- GV nhận xét chung, tuyên dương | - 1 HS đọc yêu cầu bài 4.- HS làm việc nhóm 4- Các nhóm báo cáo kết quả.+ Nhận định a, b, c là sai- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- HS trả lời theo suy nghĩ.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** Theo dõi thời gian đi từ nhà đến trường của em trong một tuần và tính trung bình thời gian để em đến trường mỗi ngày.- Kể một số tình huống trong cuộc sống liên quan đến số trung bình cộng- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đọc tình huống của GV nêu.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 10**: **CHỦ ĐỀ 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

 **Bài 29: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”

- Vận dụng được vận dụng giải toán“ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được giải toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Tìm tổng số học sinh của cả lớp.+ Số học sinh nữ nhiều hơn nam bao nhiêu bạn? + Tìm được số bạn nam, số bạn nữ của lớp?+ Nêu cách tìm số bạn nam, số bạn nữ?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi - HS nêu theo cách hiểu của mình+ Giả sử nếu thêm số bạn nam( bớt số bạn nữ) bao nhiêu để số bạn nữ và nam bằng nhau.+ Tìm được số bạn nam (nữ).- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:***-** Mục tiêu: Biết cách giải toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” **-** Cách tiến hành: |
| **Bài 2: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc thông tin trong SGK.- GV yêu cầu các nhóm trao đổi tìm hiểu đề toán rồi tìm cách giải.- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.+ Bài toán cho biết gì ? + Bài toán hỏi gì?**a.** GV HD tóm tắt bằng sơ đồ18 bạn4 bạnSố bạn namSố bạn nữ**b.** Hướng dẫn giải bài toán (cách 1)- N*ếu bớt đi 4 bạn nam thì số bạn nam như thế nào so với số bạn nữ?* *+ Khi bớt đi 4 bạn nam thì tổng của chúng thay đổi thế nào?**+ Tổng mới là bao nhiêu?* *+ Tổng mới lại chính là hai lần của số bạn nữ, vậy ta có hai lần số bạn nữ là bao nhiêu?* *- Hãy tìm số bạn nữ.* *- Hãy tìm số bạn nam.* **b.** Hướng dẫn giải bài toán (cách 2)- N*ếu thêm 4 bạn nữ thì số bạn nữ như thế nào so với số bạn nam?* *+ Khi thêm 4 bạn nữ thì tổng của chúng thay đổi thế nào?**+ Tổng mới là bao nhiêu?* *+ Tổng mới lại chính là hai lần của số bạn nam, vậy ta có hai lần số bạn nam là bao nhiêu?* *- Hãy tìm số bạn nam.* *- Hãy tìm số bạn nữ.* - Lưu ý HS khi làm bài có thể giải bằng 1 trong 2 cách - GV giới thiệu dạng toán và cách giải toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2- HS thảo luận nhóm 4- Các nhóm báo cáo kết quả.+ Tổng của hai số là 18. Hiệu của hai số là 4. Tìm hai số đó.- N*ếu bớt đi 4 bạn nam thì số bạn nam bằng số bạn nữ.* *+ Tổng của chúng giảm đi đúng bằng phần hơn của số bạn nam so với số bạn nữ.* *+ Tổng mới :* ***18 – 4 = 14****+ Hai lần của số bạn nữ:* ***18 – 4 = 14*** *(bạn)**+ Số bạn nữ là :* ***14 : 2 = 7****(bạn)**+ Số bạn nam là:* ***7 + 4 = 11*** *(bạn)* ***(hoặc 18 – 7 = 11****(bạn)****)***- N*ếu thêm 4 bạn nữ thì số bạn nữ bằng số bạn nam.* *+ Tổng của chúng tăng thêm đúng bằng phần hơn của số bạn nam so với số bạn nữ.* *+ Tổng mới :* ***18 + 4 = 22****+ Hai lần của số bạn nam:* ***18 + 4 = 22****(bạn)* *+Số bạn nam là: 22* ***: 2 = 11****(bạn)**+Số bạn nữ là: 11* ***- 4 = 7*** *(bạn)* ***(hoặc 18 – 11 = 7****(bạn)****)***- HS lắng nghe. |
| **Bài 1: Làm việc cá nhân****-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- GV mời cả lớp làm việc cá nhân trong trong vở bài tập.- GV theo dõi, chấm một số bài- GV mời HS đổi vở, nêu cách làm.- GV hỏi: Muốn tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó ta thực hiện như thế nào?- GV rút ra nhận xét như SGK- GV nhận xét | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- Cả lớp làm việc cá nhân các bài tập theo yêu cầu:- HS đổi vở, nói cho nhau nghe cách làm.a. Số bé là: (63 – 17) : 2 = 23 Số lớn là: 23 + 17 = 40b. Số bé là: (29 – 21) : 2 = 4 Số lớn là: 4 + 21 = 25c. Số lớn là: (26 + 6) : 2 = 16 Số bé là: 16 - 6 = 10d. Số lớn là: (58 + 38) : 2 = 48 Số lớn là: 48 - 38 = 10- Số bé = (tổng – hiệu) : 2Hoặc Số lớn = ( tổng + hiệu) : 2- Một số HS nhắc lại- HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** Vận dụng tính số học sinh nam, số học sinh nữ của lớp em khi biết tổng và hiệu số HS nữ và HS nam.- Tính số bạn nam, bạn nữ trong tổ em khi biết tổng số bạn và hiệu số bạn nữ và số bạn nam.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 10**: **CHỦ ĐỀ 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

 **Bài 29: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải bài toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”

- Vận dụng được vận dụng giải toán“ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được giải toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.- Mời cả lớp tham gia trò chơi theo nhóm 2( mỗi tổ 1 câu) để cùng nhau trao đổi và thực hiện nội dung:+ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là:a. 10; 8b. 11, 7c. 4; 16d. 20; 30- GV mời các nhóm trình bày theo hình thức “Ai nhanh, ai đúng”- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- Cả lớp tham gia chơi trò chơi theo nhóm 2 để thực hiện nhiệm vụ. + Các nhóm tiến hành chơi.a. Hai số cần tìm là: 1; 9a. Hai số cần tìm là: 9; 2a. Hai số cần tìm là: 10; 6a. Hai số cần tìm là: 25; 5- Các nhóm thi đua trình bày. Nhóm nào xong trước và đúng kết quả được xếp vị trí nhất, nhì, ba,...- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: - Biết cách giải bài toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiến đơn giản.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- GV mời cả lớp làm việc chung, cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời (bằng bảng con hoặc giấy nháp) - GV nhận xét, tuyên dương.- GV hỏi: Muốn tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó ta thực hiện như thế nào?- GV rút ra nhận xét như SGK | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1- Cả lớp làm việc chung cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời:a. Số bé là: (63 – 17) : 2 = 23 Số lớn là: 23 + 17 = 40b. Số bé là: (29 – 21) : 2 = 4 Số lớn là: 4 + 21 = 25c. Số lớn là: (26 + 6) : 2 = 16 Số bé là: 16 - 6 = 10d. Số lớn là: (58 + 38) : 2 = 48 Số lớn là: 48 - 38 = 10- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Số bé = (tổng – hiệu) : 2Hoặc Số lớn = ( tổng + hiệu) : 2- Một số HS nhắc lại |
| **Bài 2: Làm việc cá nhân vở bài tập****-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV mời 1 HS tóm tắt bài toán.- GV vẽ lên bảng18 chiếc4 chiếcBút đenBút xanh- GV mời cả lớp làm việc cá nhân trong vở- GV mời HS ngồi cạnh nhau đổi vở kiểm tra- GV mời HS nêu kết quả.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- 1 HS đứng tại chỗ, tóm tắt bài toán- Cả lớp làm việc cá nhân bài tập theo yêu cầu:- Theo cặp đổi vở kiểm tra nhau- HS nêu kết quả. Bài giải:Số bút đen là: (12 – 4) : 2 = 4 (chiếc)Số bút xanh là: 4 + 4 = 8 (chiếc) Đáp số: 4 bút đen; 8 bút xanh- Một số HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **Bài 3: Làm việc cá nhân vào vở bài tập.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi.Bài giải:Tuổi của bố là: (65 + 5) : 2 = 35 (tuổi)Tuổi của mẹ là: 35 – 5 = 30 (chiếc) Đáp số: Bố 35 tuổi; Mẹ 30 tuổi |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống trong SGK:+ Tổng số tiền vé của hai người phải trả là: 500 000 đồng+ Giá vé người lớn hơn giá vé trẻ em là: 100 000 đồng.+ Tìm giá vé mỗi người.- GV mời một số bạn đưa ra kết quảĐA: Giá vé người lớn: 300 000 đồng; Giá vé trẻ em: 200 000 đồng.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đưa ra kết quả theo suy nghĩ của mình- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 10**: **CHỦ ĐỀ 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

 **Bài 30: LUYÊN TẬP CHUNG (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Rèn kỹ năng giải bài toán “Tìm số trung bình cộng” và “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”

- Vận dụng được vận dụng giải toán “Tìm số trung bình cộng” và “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được giải toán “Tìm số trung bình cộng” và “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.- Mời cả lớp tham gia trò chơi.a. Điểm thi môn Toán của An qua 4 lần là: 7; 7; 9; 9. Vậy điểm trung bình của An qua 4 lần thi là bao nhiêu?b. Tuổi của 3 anh em lần lượt là: 3; 6; 9. Tính tuổi trung bình của mỗi người.- GV mời các nhóm trình bày theo hình thức “Ai nhanh, ai đúng”- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- Cả lớp tham gia chơi trò chơi theo nhóm 2 để thực hiện nhiệm vụ. + Các nhóm tiến hành chơi.a. Điểm TB của An: 8 điểmb. Tuổi TB của mỗi người: 6 tuổi- Các nhóm thi đua trình bày. Nhóm nào xong trước và đúng kết quả được xếp vị trí nhất, nhì, ba,...- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: - Biết cách giải bài toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiến đơn giản.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc cá nhân vở bài tập****-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV mời 1 HS tóm tắt bài toán.- GV mời cả lớp làm việc cá nhân trong vở- GV mời HS ngồi cạnh nhau đổi vở kiểm tra- GV mời HS nêu kết quả.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- 1 HS đứng tại chỗ, tóm tắt bài toánBảo cao: 131 cmThư cao: 130 cmLong cao: 135 cmTB mỗi bạn cao: ... cm?- Cả lớp làm việc cá nhân bài tập theo yêu cầu:- Theo cặp đổi vở kiểm tra nhau- HS nêu kết quả. Bài giải:Tổng chiều cao của bốn bạn là:131 + 130 + 135 = 536 (cm)Chiều cao trung bình của mỗi bạn là: 536 : 4 = 134 (cm) Đáp số: 134 cm- Một số HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **Bài 2: Làm việc cá nhân vào vở bài tập.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- Cả lớp làm bài giải vào vở.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi.Bài giải:Tổng số cây cả bốn khối lớp trồng được là:183 + 209 + 216 + 240 = 848 (cây)Trung bình mỗi khối trồng được số cây là: 848 : 4 = 212 (cây) Đáp số: Bố 212 cây |
| **Bài 3: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV mời HS nhắc lại cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó- GV mời cả lớp làm bài vào bảng con theo từng hàng.- GV gõ để HS giơ bảng- GV mời một số HS khác nhận xét, nêu cách làm.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- SB = (tổng – hiệu): 2- SL = (tổng + hiệu): 2- HS làm bài vào bảng con- HS giơ bảngHàng 1: Số bé: 44; Số lớn: 91Hàng 2: Số bé: 141; Số lớn: 377- Một số HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống trong SGK:+ Độ sâu trung bình của bể bơi là 1390 cm, nghĩa là: “Có chỗ sâu của bể bơi ít hơn 130 cm nhưng có chỗ sâu hơn 130 cm.”- GV mời HS chọn phương án và trình bày câu trả lời.TL: Đức nghĩ như vậy không chính xác, vì có thể có chỗ độ sâu của bể bơi nhiều hơn 140 cm.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đưa ra kết quả theo suy nghĩ của mình- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 10**: **CHỦ ĐỀ 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

 **Bài 30: LUYÊN TẬP CHUNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Rèn kỹ năng giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”

- Vận dụng được vận dụng giải toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được giải toán “Tìm số trung bình cộng” và “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.a. Số học sinh của 4 lớp 4A; 4B; 4C; 4D lần lượt là: 36; 35; 38; 39. Trung bình của mỗi lớp có bao nhiên bạn?b. Mẹ có 20 cái kẹo chia cho hai anh em. Em được nhiều hơn anh 4 cái. Tính số kẹo của em?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơia. TB mỗi lớp 37 học sinhb. Số kẹo của em: 12 cái- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: - Biết cách giải bài toán “ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiến đơn giản.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc nhóm 2****-** GV mời 1 HS đọc bài toán 4.- GV mời các nhóm tìm hiểu bài toán.- GV hỏi: Bài toán thuộc dạng toán nào?- GV các nhóm tiếp tục giải bài toán vào phiếu- GV mời 1 nhóm nêu kết quả.- GV mời nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc bài 4.- HS làm việc phân tích bài toán.Bài toán cho biết gì?Tổng số từ TA hai bạn sưu tầm: 87 từ.Lực sưu tầm nhiều hơn Duyên: 5 từ.Bài toán hỏi gì? Mỗi bạn sưu tầm: ... từ?- HS: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó Bảo cao: 131 cm- HS làm việc nhóm 2 theo yêu cầu:- Theo cặp đổi vở kiểm tra nhau- HS nêu kết quả. Bài giải:Số từ tiếng Anh bạn Lực sưu tầm được là: (87 + 5) : 2 = 46 (từ) Số từ tiếng Anh bạn Duyên sưu tầm được là: 46 – 5 = 41 (từ)  Đáp số: 46 từ và 41 từ- Một số nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **Bài 5: Làm việc cá nhân vào vở bài tập.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5.- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 5.- Cả lớp làm bài giải vào vở.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi.Bài giải:Số cổ động viên của lớp 4A là: (47 – 5) : 2 = 21 (bạn) Số cổ động viên của lớp 4B là: 21 + 5 = 26 (bạn) Đáp số: 4A: 21 bạn; 4B: 26 bạn |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau:+ Đầu năm hai lớp 4A; 4B có tổng là 81 bạn. Đầu học kỳ II, có 2 bạn mới chuyển đến lớp 4B nên lớp 4B nhiều hơn lớp 4A 3 bạn. Hỏi học kỳ II mỗi lớp có bao nhiêu bạn?- GV mời HS suy nghĩ và trình bày câu trả lời.TL: HKII lớp 4A: 40 bạn; HKII lớp 4B: 43 bạn.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đưa ra kết quả theo suy nghĩ của mình- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------